TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:127/2022/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp *"Quyền sử dụng đất, lối đi chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Quyền sử dụng đất, lối đi chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn***: Ông Som X, sinh năm 1952 (chết ngày 11/01/2022).
Cư trú: số 38, ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của ông Som X. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 477A/24, đường Q, khóm BT, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện C, tỉnh An Giang). (có đơn xin vắng mặt).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Som X, sinh năm 1952 (chết ngày 01/02/2022). Gồm có:
- Ông Som Thanh A, sinh năm 1976;
- Ông Som Thanh Ph, sinh năm 1977;
- Ông Som Thanh Đ, sinh năm 1978;
- Ông Som Thanh Đ L, sinh năm 1980 (chết ngày 11/01/2022);
- Ông Som Trường G, sinh năm 1983.

Cư trú: cùng số 38, ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Som Thanh Đ L, sinh năm 1980 (chết ngày 11/01/2022). Gồm có:

- Bà Trần Lê Thanh Th1, sinh năm 1983;

- Ông Som Thanh H, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của ông Som Thanh A, Som Thanh Ph, Som Thanh Đ, Som Trường G, bà Trần Lê Thanh Th1 và Som Thanh H. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 477A/24, đường Q, khóm BT, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L A, huyện C, tỉnh An Giang). (có đơn xin vắng mặt).

2/ ***Bị đơn***: Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1981; địa chỉ: số 38, ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt).

3/ ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***.

- Ông Đặng Hữu Ngh, sinh năm 1943 (chết 07/4/2007);

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1945 (chết ngày 20/12/2021); địa chỉ: cùng ngụ tại ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

4/ ***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh, bà P***: Gồm có:

- Ông Đặng Hữu H1, sinh năm: 1964, địa chỉ: ấp N, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp;

- Bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm: 1966; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Đặng Hữu Quốc C, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Bà Đặng Thị Kim Ph1, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Đặng Hữu S, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp 4, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp;

- Bà Đặng Thị Kim Gi, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Bà Đặng Thị Kim Giàu E, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang;

- Bà Đặng Thị Kim Ng, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp PL, xã PB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp;

- Bà Đặng Thị Kim Th2, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp LĐ, xã LĐ, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. *(những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh, bà P; có đơn xin vắng mặt).*

5/ ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có cùng hộ khẩu với ông Đặng Hữu T***.

- Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Đặng Hoàng Ph2, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Em Đặng Thị Quế Tr, sinh năm: 2007; địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang;

- Em Đặng Hoàng Tr1, sinh năm 1912, địa chỉ: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang; (Em Tr và Tr1 là con ruột của ông Đặng Hữu T, bà Lê Thị Nh). Ông T, bà Nh là người đại diện giám hộ cho em Tr và em Tr1. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Yêu cầu ông Đặng Hữu T mở lối đi ngang 1,5m x dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời củi. Phần lớn lối đi chung đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do ông Đặng Hữu Ngh đứng tên tọa lạc tại ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của ông Som Thanh A, Som Thanh Ph, Som Thanh Đ, Som Trường G, bà Trần Lê Thanh Th1 và Som Thanh H. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 477A/24, đường Q, khóm BT, phường BK, thành phố L, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện C, tỉnh An Giang). Trình bày: Thống nhất theo đơn khởi kiện của ông Som X.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Hữu T trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ruột ông Đặng Hữu Ngh (chết) để lại cho gia đình ông sử dụng: Ông không đồng ý theo đơn khởi kiện của ông Som X vì lý do đất tranh chấp là do cha ông tên Đặng Hữu Ngh, sinh năm 1943 (chết 2007) đã được UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2 tọa lạc tại ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. Ông cho rằng lối đi chung mà ông Som X tranh chấp là nằm trong diện đất của ông Đặng Hữu Ngh (ông Ngh là cha ruột của ông T).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh, bà P: Ông Đặng Hữu H1, bà Đặng Thị Kim L1, ông Đặng Hữu Quốc C, bà Đặng Thị Kim Ph1, ông Đặng Hữu S, bà Đặng Thị Kim Gi, bà Đặng Thị Kim Giàu E, bà Đặng Thị Kim Ng, bà Đặng Thị Kim Th2 trình bày: Thống nhất như ý kiến của ông Đặng Hữu T không đồng ý theo đơn khởi kiện của ông Som X.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có cùng hộ khẩu với ông Đặng Hữu T: Bà Lê Thị Nh, ông Đặng Hoàng Ph2, em Đặng Thị Quế Tr, Đặng Hoàng Tr1 trình bày: Thống nhất như ý kiến của ông Đặng Hữu T không đồng ý theo đơn khởi kiện của ông Som X.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được

phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

2. *Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng* dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- *Đối với nguyên đơn*: Ông Som X (chết). Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm ông Som Thanh A, Som Thanh Ph, Som Thanh Đ, Som Trường G và Som Thanh Đ L, (chết, có vợ bà Trần Lê Thanh Th1 và con Som Thanh H) cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự và *có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*.

- *Đối với bị đơn*: Ông Đặng Hữu T, từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Các ông, bà Đặng Hữu H1, Đặng Thị Kim L1, Đặng Hữu Quốc C, Đặng Thị Kim Ph1, Đặng Hữu S, Đặng Thị Kim Gi, Đặng Thị Kim Giàu E, Đặng Thị Kim Ng, Đặng Thị Kim Th2; thống nhất ý kiến ông Đặng Hữu T, Lê Thị Nh, Đặng Hoàng Ph2, Đặng Thị Quế Tr, Đặng Hoàng Tr1, tất cả vắng mặt nhưng không có lý do theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Gia đình ông Som X có sử dụng diện tích đất 212m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số H0906bB ngày 14/7/2008 và diện tích 160m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 0905bB ngày 14/7/2008 do UBND huyện C cấp cho ông Som X. Từ trước đến nay, tồn tại một lối đi chung ngang 3m dài 30m do gia đình ông và nhiều hộ dân khác sử dụng. Hiện nay, ông Đặng Hữu T đã rào chắn lối đi chỉ còn khoảng ngang 50cm. Yêu cầu ông T mở lối đi chung ngang 1,5m dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời củi.

Phía ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ phía gia đình ông Som X khởi kiện là biên bản hòa giải ngày 27/02/2020 của UBND xã LA, ông X cho rằng lối đi trước đây ngang 03m nhưng do ông T làm hàng rào lưới B40, để 02 tấm dal lớn và củi chắn lối cản trở lối đi vào.

Tại biên bản thẩm định và định giá ngày 25/3/2022, trên phần đất tranh chấp có 02 cây dừa khoảng 50 tuổi có giá 975.000 đồng, 02 miếng dal, 01 mái che thiết khung gỗ tạp (đã rỉ sét), không còn giá trị sử dụng, đất ở nông thôn có giá 1.200.000đồng/m^2. Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thể hiện diện tích diện tích 37,5m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7,12,11,13 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất QSDĐ số 03084/pB ngày 10/8/2000 do UBND huyện C cấp cho ông Đặng Hữu Ngh (cha của ông T).

Theo Điều 254 Bộ luật dân sự. "*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chù sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ*". Hiện nay, gia đình ông Som X vẫn sử dụng lối đi này, đảm bảo đủ lối đi ra đường công cộng và không ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày của gia đình ông X nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông X.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ cac Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai, đề nghị:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Som X đối do các ông Som Thanh A, Som Thanh Ph, Som Thanh Đ, Som Trường G và Som Thanh Đ L, (chết, có vợ bà Trần Lê Thanh Th1, con Som Thanh H) kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng yêu cầu ông Đặng Hữu T mở lối đi chung.

4. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Chưa phát hiện có vi phạm nên không có yêu cầu, kiến nghị khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Som X khởi kiện ông Đặng Hữu T. Ông T có nơi cư trú tại: ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh, bà P: Ông Đặng Hữu H1, bà Đặng Thị Kim L1, ông Đặng Hữu Quốc C, bà Đặng Thị Kim Ph1, ông Đặng Hữu S, bà Đặng Thị Kim Gi, bà Đặng Thị Kim Giàu E, bà Đặng Thị Kim Ng, bà Đặng Thị Kim Th2; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đặng Hữu Ngh, sinh năm 1943 (chết 2007) đã được UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2 tọa lạc tại ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình sử dụng thì ông T lắp đặt các tấm dal và cất mái che nhằm cản trở lối đi chung nên phát sinh đất tranh chấp. Nên ông Som X yêu cầu ông T mở lối đi ngang 1,5m x dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời vật kiến trúc có trên đất.

Ông Đặng Hữu T trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ruột ông tên Đặng Hữu Ngh (chết) để lại cho gia đình ông sử dụng: đã được UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2 tọa lạc tại ấp L, xã LA, huyện C, tỉnh An Giang. Ông cho rằng lối đi chung mà ông Som X tranh chấp là nằm trong diện đất của ông Đặng Hữu Ngh, nên ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Som X.

Các đương sự thống nhất theo số liệu bản vẽ ngày 20/5/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C, thể hiện các điểm 1,2,3,4,5 có diện tích 164,0m^2 là phần đất đang tranh chấp (đo vẽ theo chỉ dẫn của ông Som X) nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Hữu Ngh, trong đó:

+ Các điểm 3,4,5,6,7,12,11,13 có diện tích 37,5m^2 là phần lối đi đang tranh chấp (nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Hữu Ngh).

+ Các điểm 7,14,15,16,17,18,19,11 là phần mái che của ông T đang sử dụng.

+ Các điểm 7,8,9,10,11,12 có diện tích 116,7m^2 là hiện trạng căn nhà của ông T đang sử dụng.

Tại Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đặng Hữu Ngh làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được các hộ tứ cận ký tên, trong đó có bà Phạm Thị Ph3 (vợ ông Som X). Đến ngày 03/10/2001, ông Đặng Hữu Ngh đã được UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2. Do đó, việc cấp quyền sử dụng đất cho ông Ngh là đúng đối tượng và trình tự thủ tục.

Nhận thấy, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định của Luật đất đai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 03/10/2001, ông Đặng Hữu Ngh đã được UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2. Do đó, việc cấp quyền sử dụng đất cho ông Ngh là đúng đối tượng và trình tự thủ tục.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền của ông Som X có đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn xin vắng mặt có trình bày nội dung và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T mở lối đi ngang 1,5m x dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời vật kiến trúc có trên đất; (thể hiện tại các điểm 3,4,5,6,7,12,11,13 có diện tích 37,5m^2 là phần lối đi đang tranh chấp (nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Hữu Ngh).

+ Các điểm 7,14,15,16,17,18,19,11 là phần mái che của ông T đang sử dụng.

Theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 20/5/2021; Tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và tính hợp pháp phần đất tranh chấp là của ông Som X và xét về diện tích đất tranh chấp là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ số 03084 QSDĐ/oB ngày 10/8/2000 theo tờ bản đồ số 9, thửa số 20, diện tích 164.00m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Ngh. Ngoài ra, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngh, là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định và được các hộ tứ cận và gia đình của ông Som X ký giáp ranh. Do đó, yêu cầu của ông Som X là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Som X khởi kiện ông Đặng Hữu T mở lối đi ngang 1,5m x dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời vật kiến trúc có trên đất theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 20/5/2021.

- Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- *Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Som X không được chấp nhận. Nên ông Som X phải chịu chi phí đo đạc 1.000.000 đồng và chi phí nhận bảng vẽ 1.479.500 đồng; ông Som X đã nộp xong.

[3] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 166, 254 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 105, 166 và Điều 203 Luật đất đai;

- Các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Som X đối với ông Đặng Hữu T mở lối đi ngang 1,5m x dài 30m và tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời 02 tấm dal lớn, di dời vật kiến trúc có trên đất. (Bản vẽ ngày 20/5/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án).

2. Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. *Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Som X không được chấp nhận. Nên ông Som X phải chịu chi phí đo đạc 1.000.000 đồng và chi phí nhận bảng vẽ 1.479.500 đồng; ông Som X đã nộp xong.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Som X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng);* Tuy nhiên ông Som X có đơn xin miễn tiền án phí do ông có tuổi trên 60. Nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận miễn tiền án phí cho ông Som X.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh